



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01301/2026/PKQ (26.482)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO
Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Thời gian lấy mẫu: 08/04/2026
Thời gian thử nghiệm: 08/04/2026 – 16/04/2026
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào tại bể thu gom nhà máy XLNT KCN Nhơn Trạch 1
Tọa độ: X: 1187685 Y: 410799

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD ₅) ^(b)	mg/L	113	SMEWW 5210B:2017
2	Asen (As) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	SMEWW 3125B:2017
3	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	SMEWW 3125B:2017
4	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	0,0034	SMEWW 3125B:2017
5	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	0,0002	SMEWW 3125B:2017
6	Cr ³⁺ ^(b)	mg/L	0,028	SMEWW 3125B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017
7	Cr ⁶⁺ ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 3500Cr.B:2017
8	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	0,616	SMEWW 3125B:2017
9	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	0,058	SMEWW 3125B:2017
10	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 3111B:2017
11	CN ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 4500-CN.C&E:2017
12	Tổng Phenol ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,04)	TCVN 6216:1996
13	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,3)	SMEWW 5520B&F:2017



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
14	Sunfua (S^{2-}) ^(b)	mg/L	0,15	TCVN 6637 : 2000
15	Florua (F^{-}) ^(b)	mg/L	0,92	SMEWW 4500-F.B&D:2017
16	Tổng Nito ^(b)	mg/L	20,2	TCVN 6624-2:2000
17	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	1,037	SMEWW 4500-P.B&E:2017
18	Coliform ^(b)	MPN/100mL	$2,4 \times 10^6$	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Thời gian lấy mẫu: 12h10' ngày 08/04/2026

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01302/2026/PKQ (26.482)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO
Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Thời gian lấy mẫu: 08/04/2026
Thời gian thử nghiệm: 08/04/2026 – 16/04/2026
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: N - NHONTRACH 1: Mương đo lưu lượng sau HTXL
Tọa độ: X: 1186200 Y: 413810

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD ₅) ^(b)	mg/L	17	SMEWW 5210B:2017
2	Asen (As) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	SMEWW 3125B:2017
3	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	SMEWW 3125B:2017
4	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	0,0016	SMEWW 3125B:2017
5	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0001)	SMEWW 3125B:2017
6	Cr ³⁺ ^(b)	mg/L	0,006	SMEWW 3125B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017
7	Cr ⁶⁺ ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 3500Cr.B:2017
8	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	0,074	SMEWW 3125B:2017
9	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	0,044	SMEWW 3125B:2017
10	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 3111B:2017
11	CN ⁻ ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 4500-CN.C&E:2017
12	Tổng Phenol ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,04)	TCVN 6216:1996
13	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,3)	SMEWW 5520B&F:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
14	Sunfua (S^{2-}) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	TCVN 6637 : 2000
15	Florua (F^{-}) ^(b)	mg/L	1,59	SMEWW 4500-F.B&D:2017
16	Tổng Nito ^(b)	mg/L	3,3	TCVN 6624-2:2000
17	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	0,789	SMEWW 4500-P.B&E:2017
18	Coliform ^(b)	MPN/100mL	$3,5 \times 10^2$	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.
Thời gian lấy mẫu: 12h20' ngày 08/04/2026
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026
KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Tuấn Minh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.